

CATALOGUE

THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Transportation Infrastructure Equipment



VỀ CHÚNG TÔI

About us

BHT Group – Nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam với 22 năm uy tín vững chắc trong lĩnh vực cung ứng: Tủ bảng điện, thang máng cáp & sàn thao tác, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông, thiết bị công trình giao thông và kết cấu thép.

Sở hữu hệ thống nhà máy tự động hóa cao – nổi bật là tổ hợp sản xuất BHT Nam Hà với quy mô hơn 83.000m², kết hợp quy trình khép kín đạt chuẩn ISO 9001:2015 & ISO 14001:2015.

Chúng tôi tự tin làm chủ tiến độ, tối ưu hóa chi phí và cam kết mang đến những giải pháp toàn diện, đạt độ an toàn và độ bền vượt trội cho các dự án và công trình trọng điểm.

BHT Group – A leading manufacturer in Vietnam with 22 years of trusted experience in supplying electrical panels, cable trays & walkways, power grid equipment, telecommunication equipment, traffic infrastructure equipment, and steel structures.

Owning a highly automated factory system – highlighted by the BHT Nam Hà manufacturing complex spanning over 83,000 m², integrated with closed-loop production processes that meet ISO 9001:2015 and ISO 14001:2015 standards.

We are confident in mastering project schedules, optimizing costs, and delivering comprehensive solutions with superior safety and durability for key projects and major constructions.



MỤC LỤC

Table of Contents

Về chúng tôi <i>About us</i>	02
Quy trình sản xuất <i>Manufacturing process</i>	04
Chứng nhận <i>Certification</i>	05
Trụ đèn <i>Lamp poles</i>	06
Các mẫu cần đèn <i>Models light brackets</i>	09
Các sản phẩm đèn khác <i>Other lighting products</i>	13
Trụ đèn nâng hạ <i>Lowering and raising lamp poles</i>	15
Trụ tín hiệu giao thông <i>Traffic signal pole</i>	16
Hệ lan mềm <i>W-beam guardrail</i>	18
Giá long môn <i>Gantry sign structures</i>	19
Biển báo và trụ biển báo giao thông <i>Signs and signposts</i>	20
Lan can cầu <i>Bridge railing</i>	21
Lưới chống chói <i>Anti-glare mesh</i>	22
Nắp mương thoát nước <i>Drainage ditch cover</i>	23

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Manufacturing process

Quy trình sản xuất trụ đèn

Light pole manufacturing process

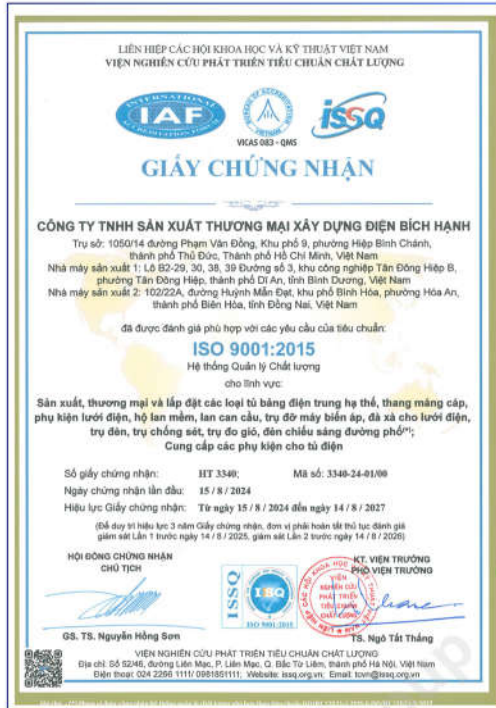
1  Chuẩn bị vật liệu: Thép cuộn Prepare material: Roll steel	2  Quy trình cán, chặt, xả băng Rolling cutting - slitting process	3  Quy trình chấn Bending process
4  Quy trình phay, mài, đánh bóng Straight milling process	5  Quy trình nắn Light pole straighten process	6  Quy trình hàn hồ quang chìm Light pole shut welding machine process
7  Hàn đế trụ đèn Base plate welding process	8  Vệ sinh công nghiệp Industrial hygiene	9  Uốn cổ đèn Light pole top part bending process
10  Mạ kẽm nhúng nóng / sơn tĩnh điện Hot dip galvanizing process / powder coating	11  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping	

Quy trình sản xuất hộ lan

Road railing manufacturing process

1  Chuẩn bị nguyên liệu: Thép tấm, thép cuộn Prepare material: Steel plate, steel roll	2  Đột lỗ, cuốn biên dạng và cắt Punch holes, roll profiles and cut	3  Quy trình vệ sinh công nghiệp Industrial hygiene process
4  Nhúng kẽm nóng Hot-dip galvanized	5  Quy trình sơn (nếu có) Painting process	6  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Inspection, packaging, and shipping process

CHỨNG NHẬN Certification



ISO 9001:2015 Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng
ISO 9001:2015 Certificate



ISO 14001:2015 Hệ Thống Quản Lý Môi Trường
ISO 14001:2015 Certificate

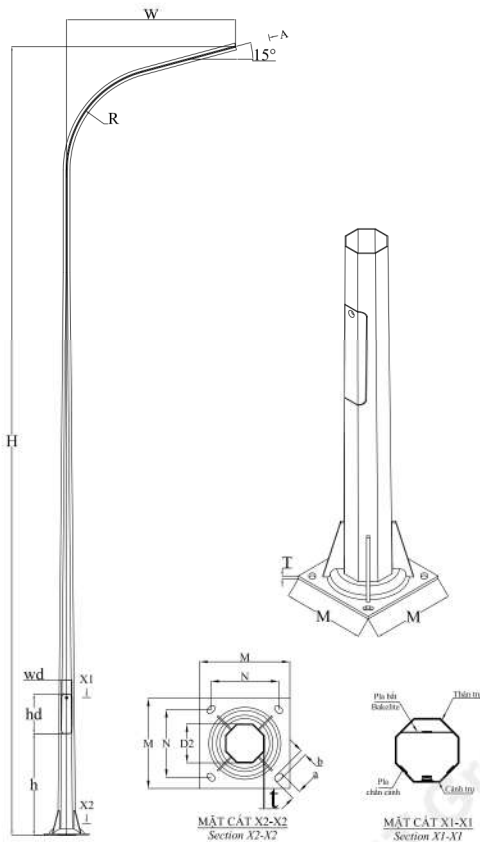


Hợp Chuẩn Đèn Chiếu Sáng
Certificate Of Lighting Conformity

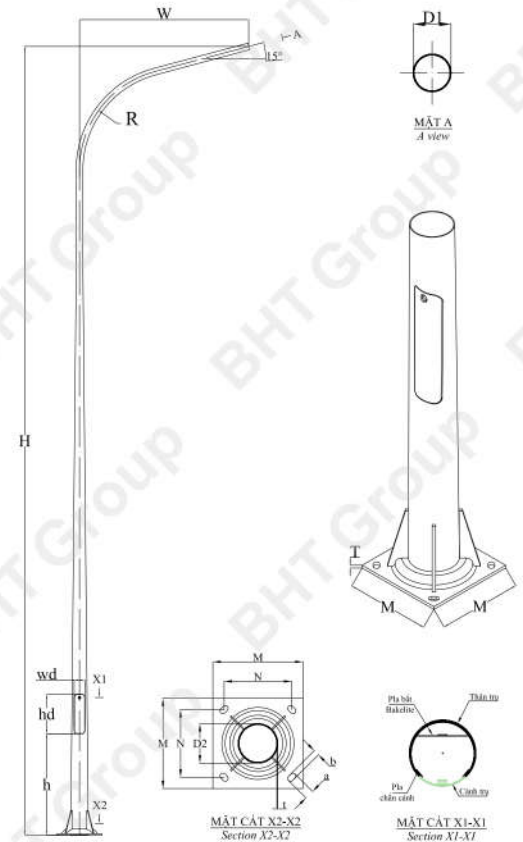


Hợp Chuẩn - Hợp Quy Trụ Đèn
Certificate Of Conformity - Conformity
To Light Pole Regulations

TRỤ ĐÈN Lamp poles



Trụ thép bát giác côn liền cần
Octagonal tapered lamp poles integral with curved bracket



Trụ thép tròn côn liền cần
Circular tapered lamp poles integral with curved bracket

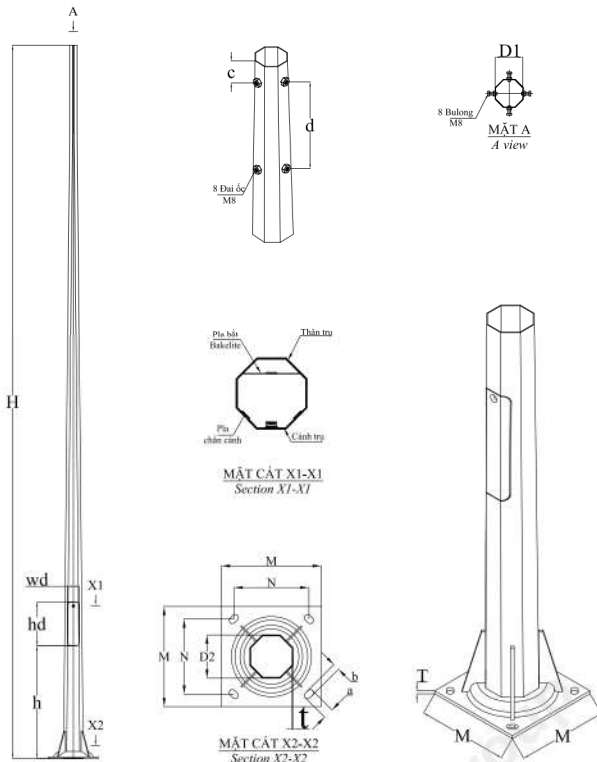
KÝ HIỆU / Abbreviations:

- **H:** Chiều cao trụ
Height of pole
- **W:** Chiều dài vạm cần
Length of outreach bracket
- **R:** Bán kính uốn cần
Bending radius
- **Wd:** Chiều rộng cánh trụ
Wing-pole width
- **D1:** Đường kính ngọn
Top diameter
- **D2:** Đường kính gốc
Bottom diameter
- **T:** Độ dày đế trụ
Thickness of base pole
- **H:** Khoảng cách từ mặt dưới đế trụ đến mặt dưới cánh trụ
Distance from bottom base pole to under wing-pole
- **N:** Kích thước tim lỗ móng trụ
Dimensions of the center of footing base
- **a:** Chiều rộng lỗ bắt bulong móng
Width of anchor bolts
- **b:** Chiều dài lỗ bắt bulong móng
Length of anchor bolts
- **t:** Độ dày thân trụ
Thickness of pole

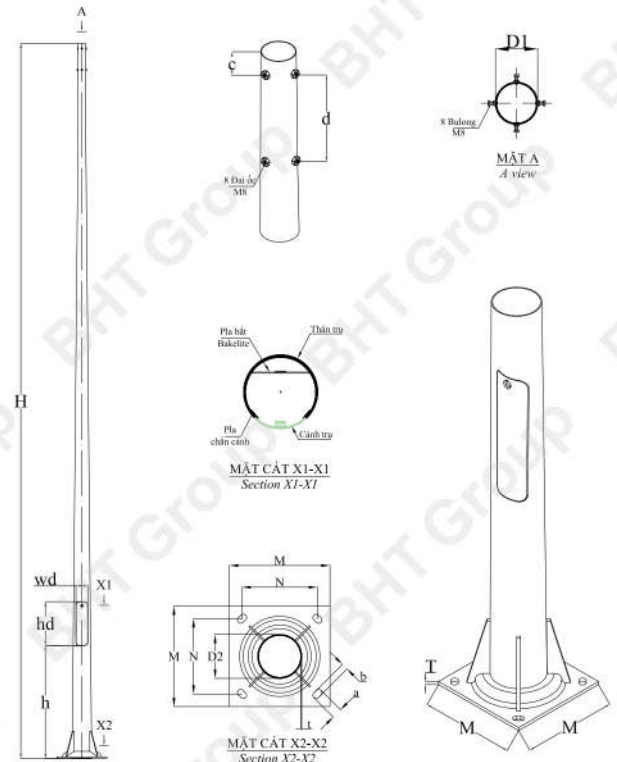
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỘT THÉP TRÒN CÔN LIỀN CẦN / Technical Specifications

Tên gọi Reference	Độ cao Height(H)	Độ dày Thickness (T)	Đường kính đáy Bottom (D2)	Đường kính ngọn Top (D1)	Đế trụ Base pole (M)	Tâm bulong Center bolts (N)
	m	mm	mm	mm	mm	mm
BHT - TCLC 6m	6	3 - 3.5	133 - 150	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TCLC 7m	7	3 - 3.5	150 - 156	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TCLC 8m	8	3 - 3.5 - 4	150 - 190	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TCLC 9m	9	3 - 3.5 - 4	165 - 190	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TCLC 10m	10	3.5 - 4	190	60 - 76 - 84	375 x 375 x12	300 x 300
BHT - TCLC 11m	11	4 - 5	210	60 - 76 - 84	400 x 400 x12	300 x 300
BHT - TCLC 12m	12	4 - 5	210	60 - 76 - 84	400 x 400 x12	300 x 300

TRỤ ĐÈN Lamp poles



Trụ thép bát giác côn
Octagonal tapered steel poles



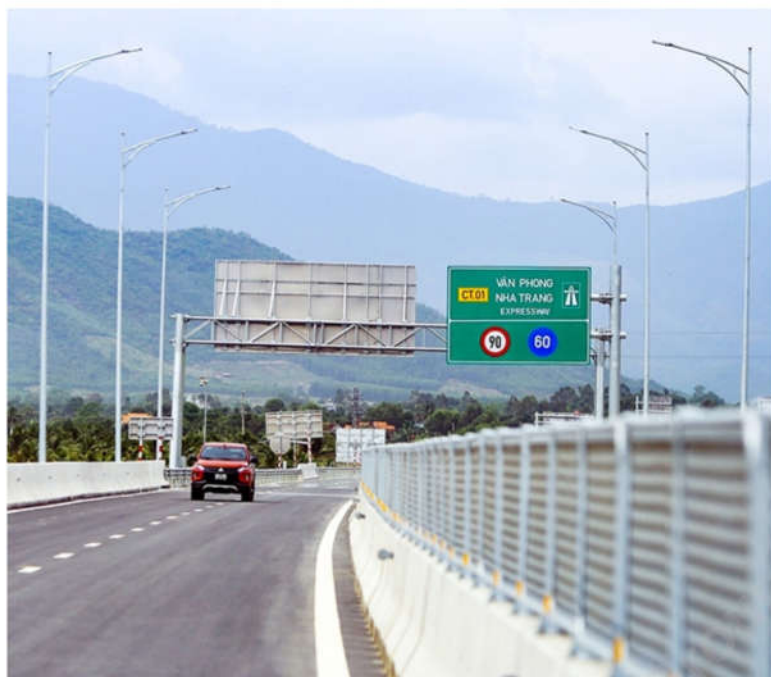
Trụ thép tròn côn
Circular tapered steel poles

KÝ HIỆU / Abbreviations:

- H:** Chiều cao trụ
Height of pole
- W:** Chiều dài vươn cần
Length of outreach bracket
- R:** Bán kính uốn cần
Bending radius
- Wd:** Chiều rộng cánh trụ
Wing-pole width
- D1:** Đường kính ngọn
Top diameter
- D2:** Đường kính gốc
Bottom diameter
- M:** Kích thước đế trụ
Dimension of base pole
- Hd:** chiều cao cánh trụ
Wing-pole height
- N:** Kích thước tim lỗ móng trụ
Dimensions of the center of footing base
- T:** Độ dày đế trụ
Thickness of base pole
- H:** Khoảng cách từ mặt dưới đế trụ đến mặt dưới cánh trụ
Distance from bottom base pole to under wing-pole
- a:** Chiều rộng lỗ bắt bulong móng
Width of anchor bolts
- b:** Chiều dài lỗ bắt bulong móng
Length of anchor bolts
- t:** Độ dày thân trụ
Thickness of pole

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỘT THÉP TRÒN CÔN CẦN RỜI / Technical Specifications

Tên gọi Reference	Độ cao Height (H)	Độ dày Thickness (T)	Đường kính đáy Bottom (D2)	Đường kính ngọn Top (D1)	Đế trụ Base pole (M)	Tâm bulong Center bolts (N)
	m	mm	mm	mm	mm	mm
BHT - TC 6m	6	3 - 3.5	133 - 150	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TC 7m	7	3 - 3.5	150 - 156	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TC 8m	8	3 - 3.5 - 4	150 - 190	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TC 9m	9	3 - 3.5 - 4	165 - 190	60 - 76 - 84	375 x 375 x10	300 x 300
BHT - TC 10m	10	3.5 - 4	190	60 - 76 - 84	375 x 375 x12	300 x 300
BHT - TC 11m	11	4 - 5	210	60 - 76 - 84	400 x 400 x12	300 x 300
BHT - TC 12m	12	4 - 5	210	60 - 76 - 84	400 x 400 x12	300 x 300

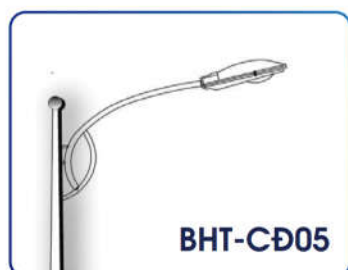


CÁC MẪU CẦN ĐÈN

Models light brackets

Cần đèn đơn

Single light brackets



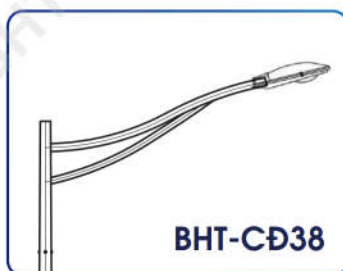
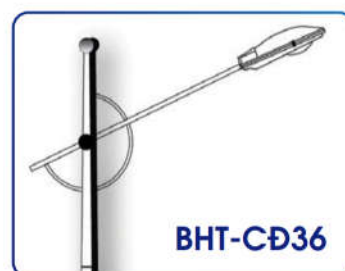
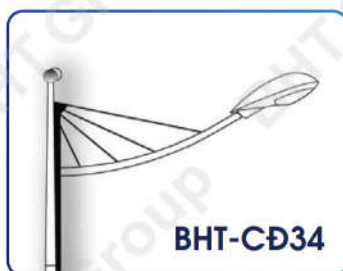
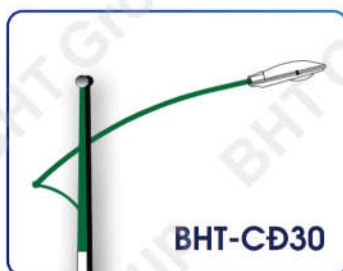
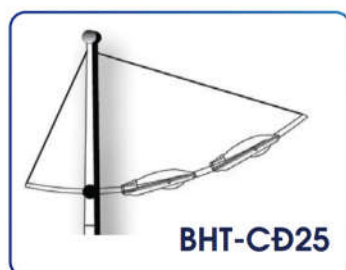
Note: Mẫu cần đèn đơn được cung cấp theo dự án khách hàng yêu cầu

Types of single light brackets are provided according to customer project requirements

CÁC MẪU CẦN ĐÈN

Models light brackets

Cần đèn đơn Single light brackets



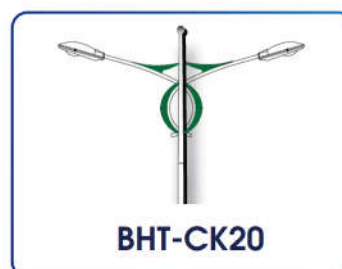
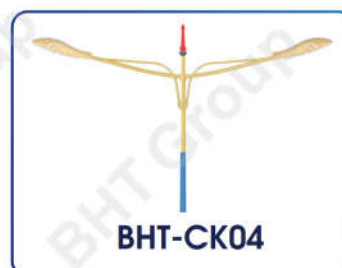
Note: Mẫu cần đèn đơn được cung cấp theo dự án khách hàng yêu cầu

Types of single light brackets are provided according to customer project requirements

CÁC MẪU CẦN ĐÈN

Models light brackets

Cần đèn đôi Double light brackets



Note: Mẫu cần đèn đơn được cung cấp theo dự án khách hàng yêu cầu

Types of single light brackets are provided according to customer project requirements

CÁC MẪU CẦN ĐÈN

Models light brackets

Cần đèn đôi Double light brackets



BHT-CK21



BHT-CK22



BHT-CK23



BHT-CK24



BHT-CK25



BHT-CK26



BHT-CK27



BHT-CK28



BHT-CK29



BHT-CK30



BHT-CK31



BHT-CK32



BHT-CK33



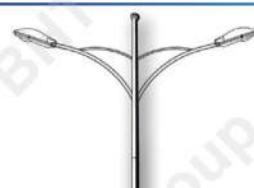
BHT-CK34



BHT-CK35



BHT-CK36



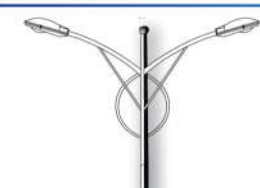
BHT-CK37



BHT-CK38



BHT-CK39



BHT-CK40

Note: Mẫu cần đèn đơn được cung cấp theo dự án khách hàng yêu cầu
Types of single light brackets are provided according to customer project requirements

ĐÈN CÔNG TRÌNH

Construction lights



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án

Products are manufactured according to the specific requirements of each project

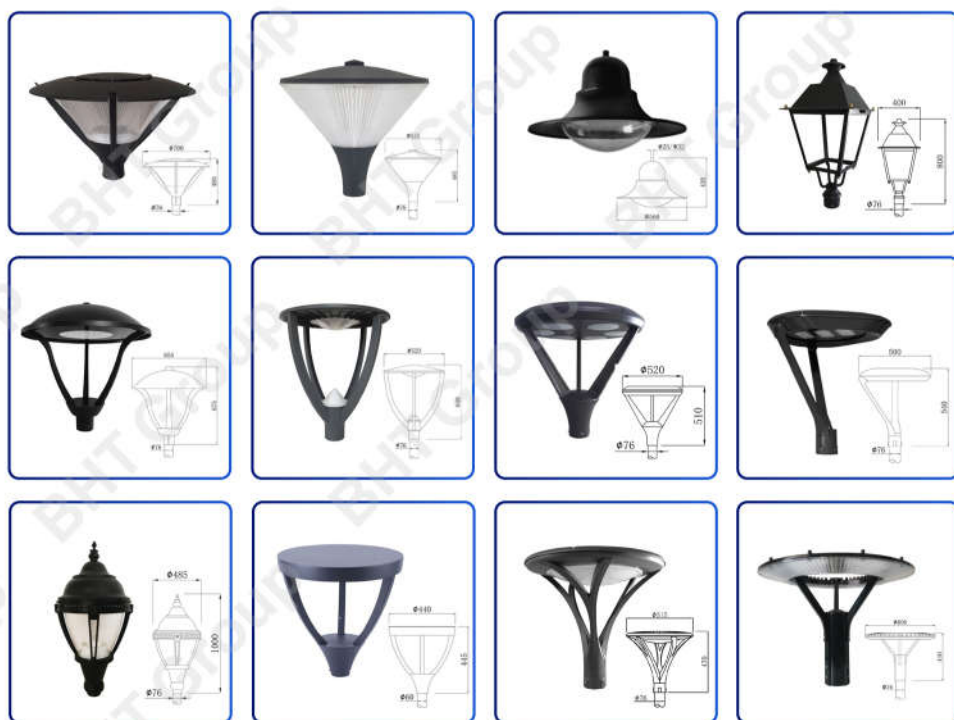
ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Solar lights



ĐÈN TRANG TRÍ

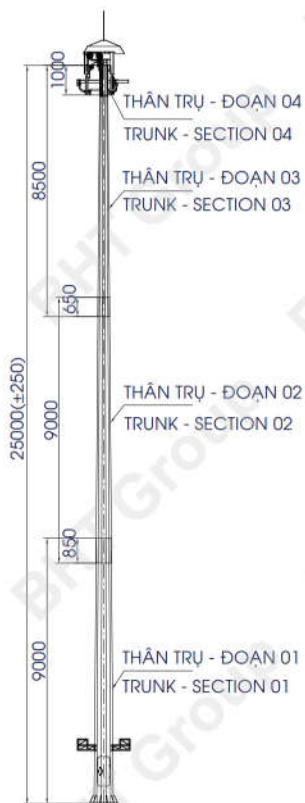
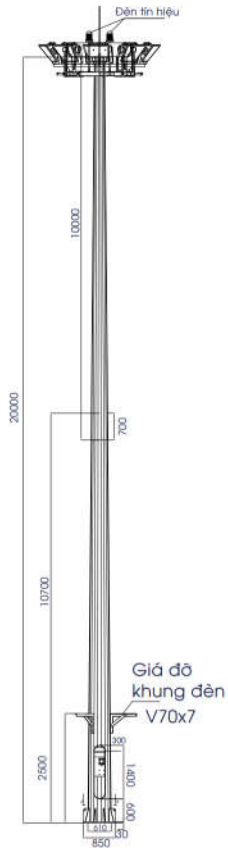
Decorative lights



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án
Products are manufactured according to the specific requirements of each project

TRỤ ĐÈN NÂNG HẠ

Lowering and raising lamp poles

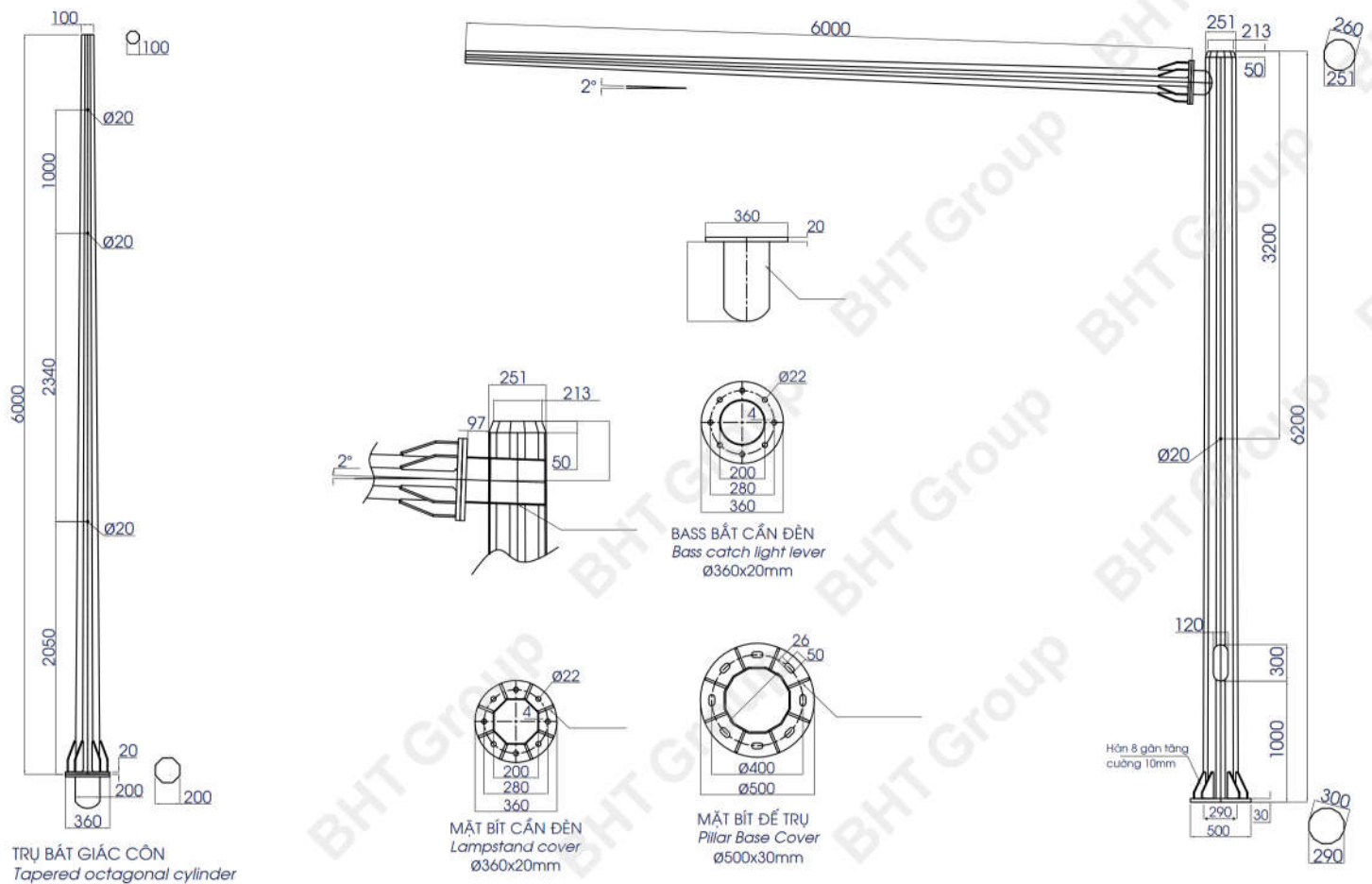


Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án

Products are manufactured according to the specific requirements of each project

TRỤ TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Traffic signal pole

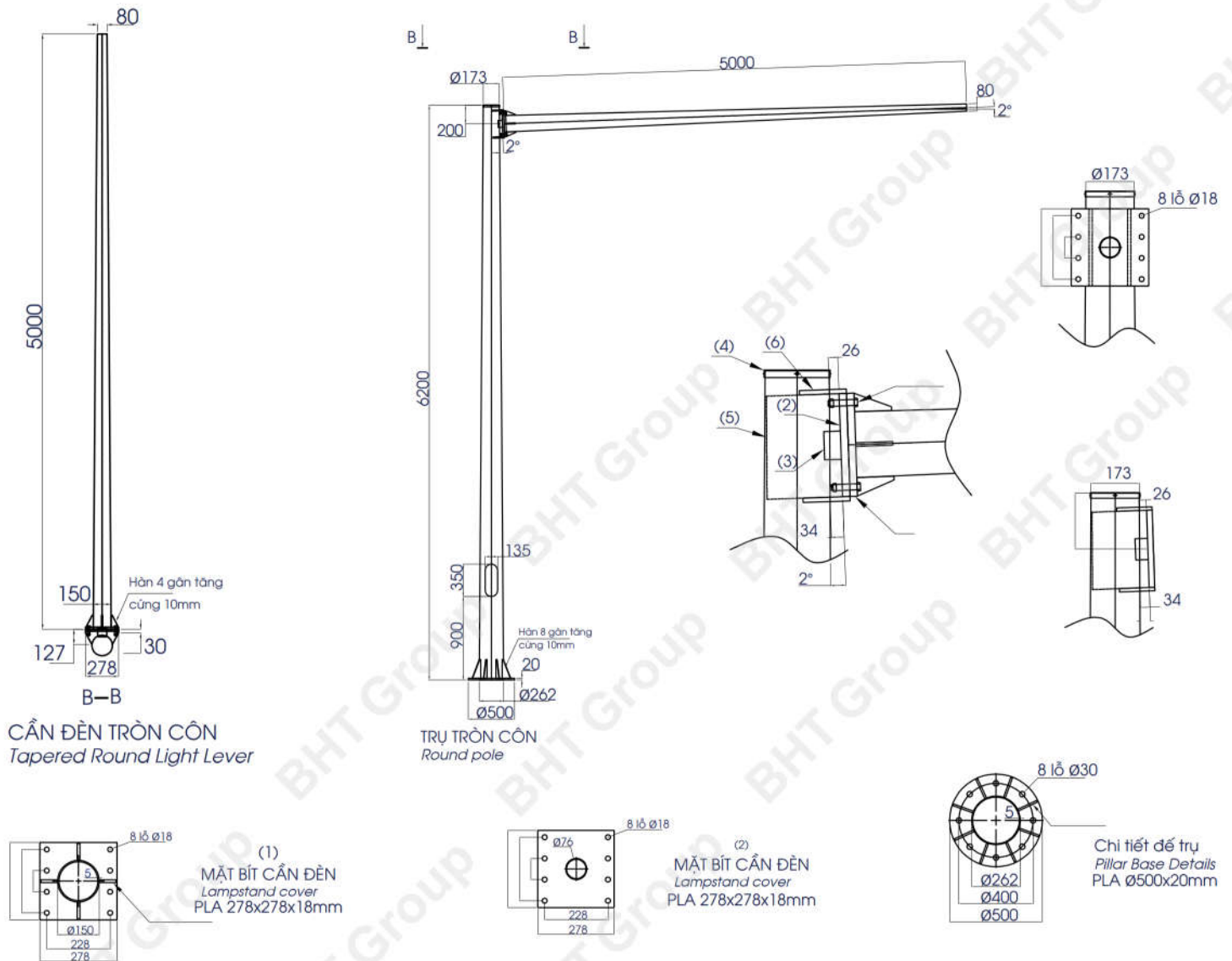


THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG / Technical Specifications

Ký hiệu/ Symbols	Thân cột / Pole				Xà lắp đèn / Light bracket			
Thân đa giác Octagonal pole	H (m)	D1 (m)	D2 (m)	t (m)	L (m)	d1 (m)	d2 (m)	t2 (m)
BHT - ĐG 2,6m	2,6	84/87	110/114	3,0	-	-	-	-
BHT - ĐG 2,9m	2,9	84/87	113/117	3,0	-	-	-	-
BHT - ĐG 3,4m	3,4	84/87	118/123	3,0	-	-	-	-
BHT - ĐG 3,9m	3,4	84/87	123/128	3,0	-	-	-	-
BHT - ĐG 6,2 - D130 W3m	6,2	130/136	204/210	4,0	3,0	80/90	116/122	4,0
BHT - ĐG 6,2 - D130 W4m	6,2	130/136	204/210	4,0	4,0	80/90	128/132	4,0
BHT - ĐG 6,2 - D168 W5m	6,2	168/182	254/256	5,0	5,0	80/90	150/143	5,0
BHT - ĐG 6,2 - D168 W6m	6,2	168/182	254/256	5,0	6,0	80/90	164/153	5,0
BHT - ĐG 6,2 - D173 W7m	6,2	173/187	259/261	6,0	7,0	80/90	178/164	5,0
BHT - ĐG 6,2 - D220 W8m	6,2	220	307	6,0	8,0	80	208	5,0
BHT - ĐG 6,2 - D320 W9m	6,2	320	400	6,0	9,0	80	242	6,0
BHT - ĐG 6,2 - D320 W10m	6,2	320	400	6,0	10,0	80	260	6,0

TRỤ TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Traffic signal pole

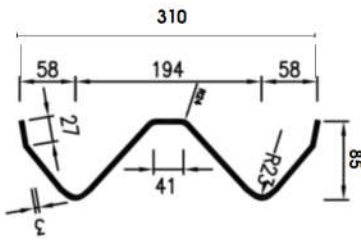


THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG / Technical Specifications

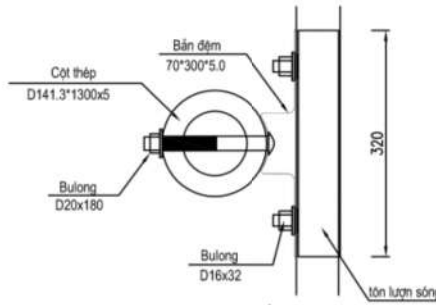
Ký hiệu/ Symbols	Thân cột / Pole				Xà lắp đèn / Light bracket			
Thân tròn côn Round pole	H (m)	D1 (m)	D2 (m)	t (m)	L (m)	d1 (m)	d2 (m)	t2 (m)
BHT - TC 2,6m	2,6	84/87	110/114	3,0	-	-	-	-
BHT - TC 2,9m	2,9	84/87	113/117	3,0	-	-	-	-
BHT - TC 3,4m	3,4	84/87	118/123	3,0	-	-	-	-
BHT - TC 3,9m	3,4	84/87	123/128	3,0	-	-	-	-
BHT - TC 6,2 - D136 W3m	6,2	130/136	204/210	4,0	3,0	80/90	116/122	4,0
BHT - TC 6,2 - D136 W4m	6,2	130/136	204/210	4,0	4,0	80/90	128/132	4,0
BHT - TC 6,2 - D182 W5m	6,2	168/182	254/256	5,0	5,0	80/90	150/143	5,0
BHT - TC 6,2 - D182 W6m	6,2	168/182	254/256	5,0	6,0	80/90	164/153	5,0
BHT - TC 6,2 - D187 W7m	6,2	173/187	259/261	6,0	7,0	80/90	178/164	5,0

HỘ LAN MỀM

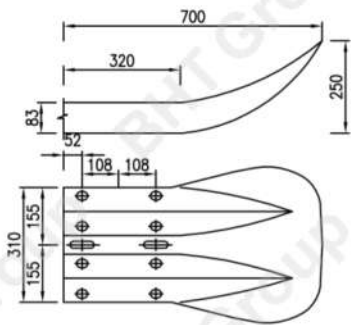
W-beam guardrail



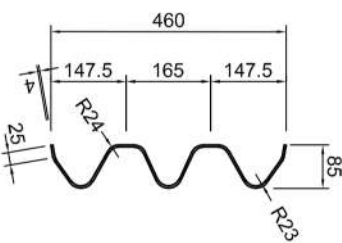
Mặt cắt A-A
Cross section A-A



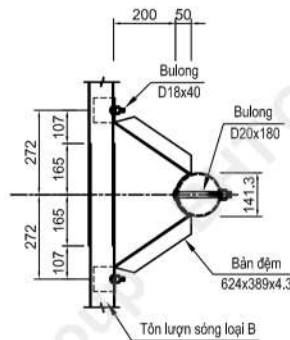
Mặt cắt B-B
Cross section B-B



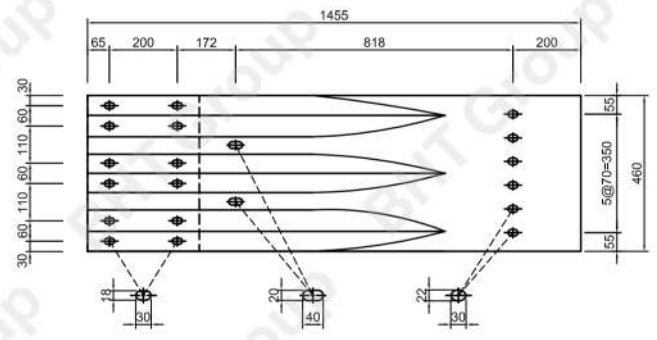
Chi tiết đầu thanh
Tôn lượn sóng



Mặt cắt A-A
Cross section A-A



Mặt cắt B-B
Cross section B-B



Chi tiết đầu thanh
Tôn lượn sóng

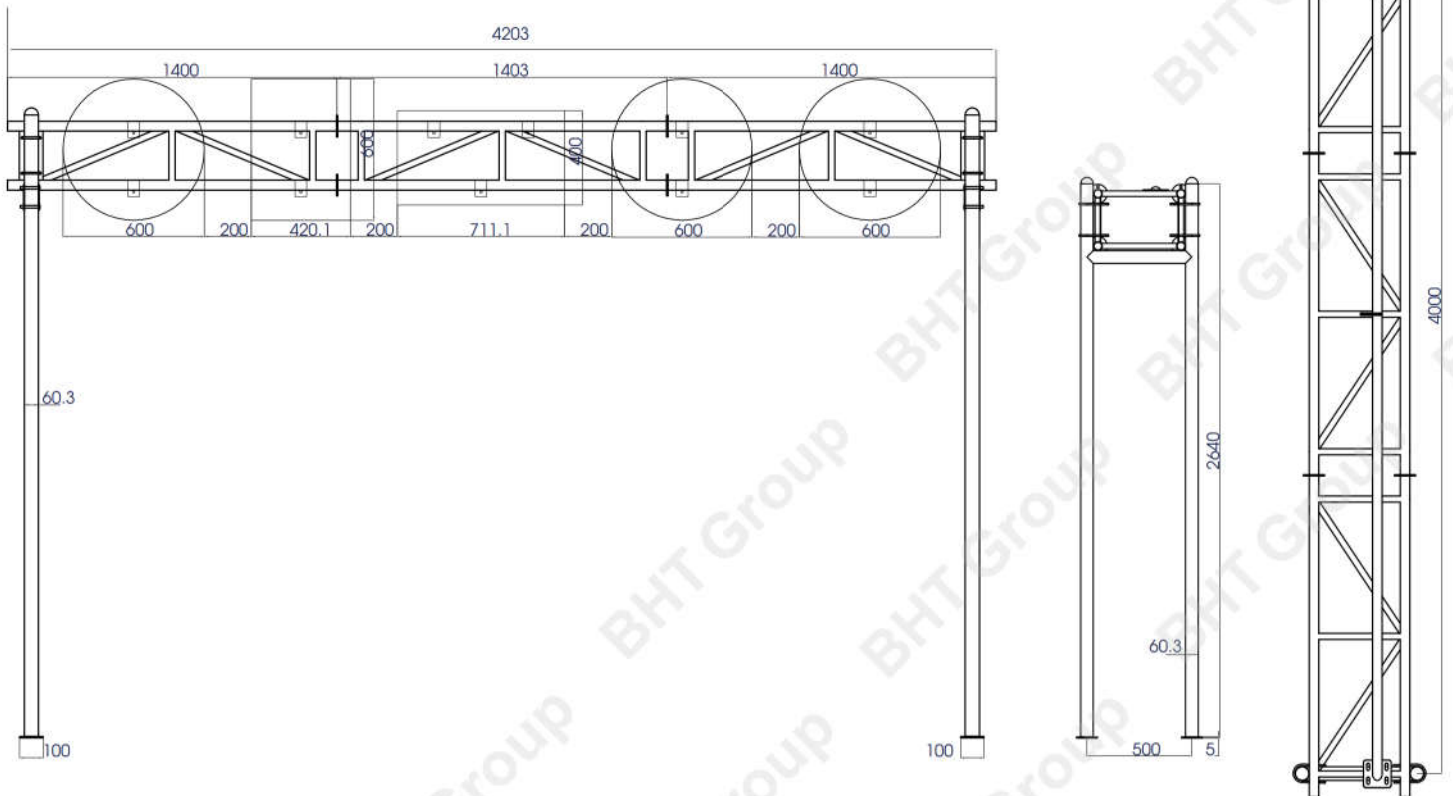


THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC / Technical Specifications

Bước cột Wave length	2 sóng / 2 waves			3 sóng / 3 waves		
	Chiều dài (L)	Chiều rộng (R)	Chiều cao (H)	Chiều dài (L)	Chiều rộng (R)	Chiều cao (H)
2000mm	2320	310	85	2320	460	85
3000mm	3320	310	85	3320	460	85
4000mm	4320	310	85	4320	460	85
6000mm	6320	310	85	6320	460	85
7000mm	7320	310	85	7320	460	85

GIÁ LONG MÔN

Gantry sign structures



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án
Products are manufactured according to the specific requirements of each project

BIỂN BÁO VÀ TRỤ BIỂN BÁO GIAO THÔNG

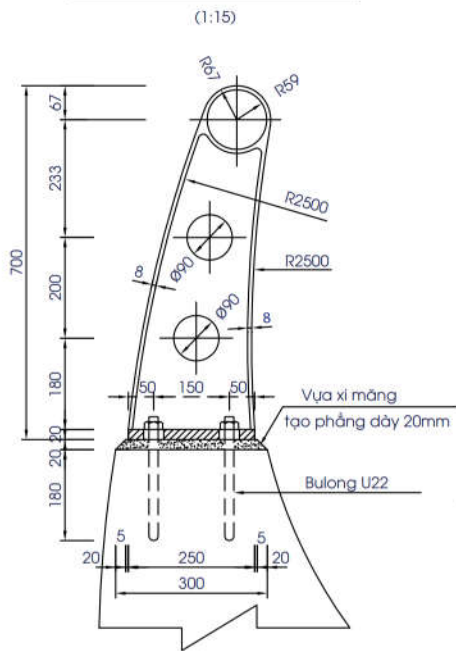
Signs and signposts



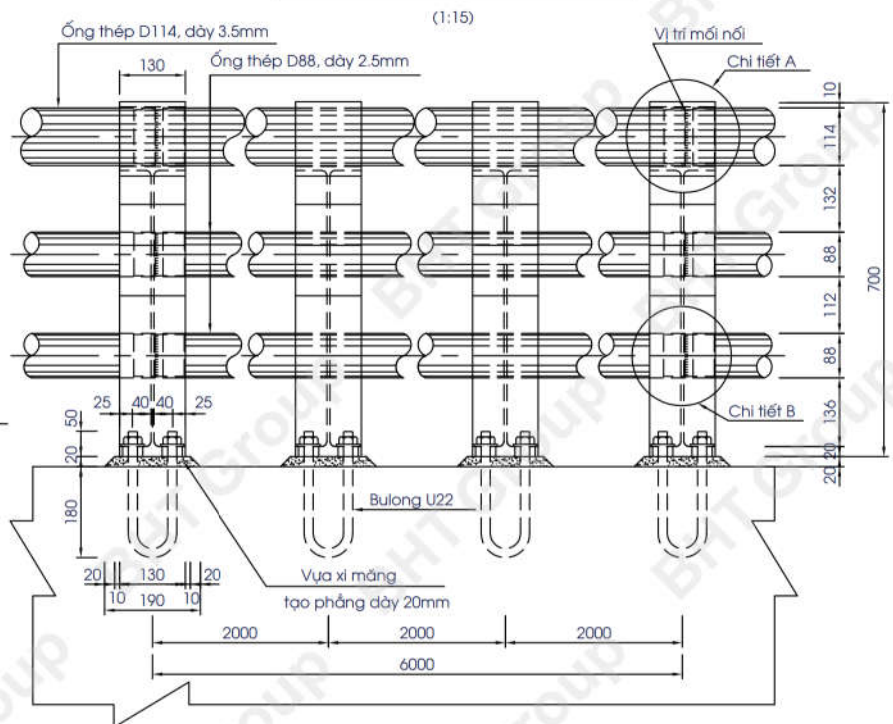
LAN CAN CẦU

Bridge railing

CHI TIẾT CỘT LAN CAN
Detail of railing column



SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CỘT LAN CAN
Diagram of railing column layout



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án

Products are manufactured according to the specific requirements of each project

LƯỚI CHỐNG CHÓI & HÀNG RÀO BẢO VỆ CAO TỐC

Anti-glare mesh & Highway protection fence



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án
Products are manufactured according to the specific requirements of each project

NẮP MƯƠNG THOÁT NƯỚC

Drainage ditch cover



Note: Sản phẩm được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án
Products are manufactured according to the specific requirements of each project



TRỤ SỞ & NHÀ MÁY

Head Office & Factory

TRỤ SỞ CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

1050/14 Đường Phạm Văn Đồng, KP 9, P. Hiệp Bình, TP. HCM.

Phone: 0912 254 419

Email: bht@bht.vn

Liên hệ tư vấn, báo giá: sales@bht.vn

NHÀ MÁY BHT BÌNH DƯƠNG

Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM.

NHÀ MÁY BHT HÓA AN

102/22A Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai.

NHÀ MÁY BHT ĐÀ NẴNG

CCN Hòa Nhơn, Xã Bà Nà, TP. Đà Nẵng.

NHÀ MÁY BHT NAM HÀ

CCN Nam Hà 2, Đường Đông Hà - Gia Huỳnh, Xã Trà Tân, Lâm Đồng.

CHI NHÁNH

Branches

CHI NHÁNH HÀ NỘI: số 25, ngõ 43/19 Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

CHI NHÁNH NGHỆ AN: Toà nhà An Phát Complex, Đường 72M, TP. Vinh, Nghệ An, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG: 234 Đường Nguyễn Trí Phương, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
Phone: (0236) 3727 656 - 3727 677

CHI NHÁNH PHÚ YÊN: Căn hộ The Light Phú Yên số CH8-03, 220 Trần Hưng Đạo, P. Tuy Hòa, Đắk Lắk, Việt Nam.
Phone: (0257) 3838 868

CHI NHÁNH NHA TRANG: STH23A-24 đường 1A KĐT Lê Hồng Phong 2, P. Nam Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam.
Phone: (0258) 3875 265

CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT: 191 Mai Hắc Đế, P. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam.
Phone: (0262) 3843 517

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG: Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM, Việt Nam.
Phone: (0274) 3776 162

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI: 102/22A Đường Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Phone: (0251) 2860 364

CHI NHÁNH CẦN THƠ: 17 Đường Số 1, KDC Quân Báo, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.
Phone: (0292) 384 6398

CHI NHÁNH PHÚ QUỐC: Villa Phong Nhã 3, Ấp Búng Gội, Cửa Dương, Phú Quốc, An Giang, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

